

Số: 35 /BC-SNV

Bình Dương, ngày 16 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính quý I
và nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2023 của tỉnh Bình Dương

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh Bình Dương. Tỉnh Bình Dương báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật đối với công tác cải cách hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14 tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch CCHC của năm 2023. Theo đó, Tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm là: “Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành CCHC; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số”, tập trung khắc phục những hạn chế, thiếu sót, đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để cải thiện mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2023¹.

¹ - Kế hoạch số 6991/KH-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 về công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Dương năm 2023.

- Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về phê duyệt danh sách công chức, viên chức và nhân sự của các sở, ban, ngành cử làm việc ở Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Quyết định số 3890/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

- Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về phê duyệt Kế hoạch truyền thông hoạt động cải cách, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 593/KH-UBND ngày 13/02/2023 về việc nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Bình Dương năm 2023 và các năm tiếp theo.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6991/KH-UBND về công tác CCHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Với mục đích: Triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; cụ thể hóa Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

Kế hoạch CCHC năm 2023 trên của tỉnh đã xác định 56 nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai thực hiện trong năm 2023. Tính đến tháng 3 năm 2023, Tỉnh đã thực hiện hoàn thành 12/56 nhiệm vụ, đạt 22% kế hoạch đề ra (có nhiều nhiệm vụ đang triển khai và chưa hoàn thành vì thực hiện trong cả năm 2023).

Căn cứ Kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh và chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng và ban hành Kế hoạch của đơn vị, địa phương mình đảm bảo đầy đủ các nội dung trọng tâm công tác CCHC. Đến nay, 100% các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đang xây dựng dự thảo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh; dự kiến sẽ tổ chức kiểm tra đối với 12 đơn vị.

Ngoài việc kiểm tra về công tác cải cách hành chính chung, theo kế hoạch Đoàn kiểm tra cũng sẽ tổ chức kiểm tra lồng ghép, kết hợp với kiểm tra các chuyên đề khác như: Kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO...

-
- Kế hoạch số 676/KH-UBND ngày 20/02/2023 triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
 - Kế hoạch số 621/KH-UBND ngày 15/02/2023 về xây dựng, ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
 - Công văn số 275/UBND-HCC ngày 19/01/2023 về việc chỉ đạo việc triển khai quy trình khung và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC.
 - Công văn số 6852/UBND-HCC ngày 27/12/2022 về số hóa kết quả giải quyết TTHC.
 - Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 13/02/2023 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính đã được tỉnh ban hành lồng ghép trong Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2023. Cụ thể trong quý I/2023:

- Đài phát thanh truyền hình Bình Dương, đã xây dựng và phát sóng 10 chương trình về cải cách hành chính (12p/1 chương trình), và các phóng sự, tọa đàm, tin tức hoạt động, sự kiện liên quan đến công tác cải cách hành chính cụ thể như: Bình Dương ra mắt ứng dụng Bình Dương số phục vụ người dân, doanh nghiệp; Bình Dương triển khai hiệu quả Đề án 06, phục vụ quá trình chuyển đổi số; Bình Dương định hướng CCHC trong năm 2023; Bình Dương tập trung xây dựng chính quyền kiến tạo; Kế hoạch CCHC Bình Dương năm 2023; CCHC thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; CCHC ở xã An Thái – huyện Phú Giáo; Bình Dương nâng cao chỉ số chuyển đổi số; xã Phước Sang quyết tâm thực hiện tốt công tác CCHC ở địa phương; Bình Dương đẩy mạnh ứng dụng số trong CCHC;

- Báo Bình Dương đã thực hiện các phóng sự truyền hình và giao lưu trực tuyến với bạn đọc trên báo điện tử, các chuyên trang, tin tức, hình ảnh cải cách hành chính trên báo giấy.

- Cổng thông tin điện tử tỉnh cũng đã đăng tải những tin tức, hình ảnh về các hoạt động cải cách hành chính.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong 2 tháng đầu năm 2023 là 09 nhiệm vụ trên hệ thống, đã triển khai 9/9 nhiệm vụ, trong đó đã hoàn thành 07 nhiệm vụ. Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đang tập trung đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ còn lại (đang trong thời hạn được giao).

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 09
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 07.
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: 0.
- Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành: 0.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL): Trong Quý I/2023, tỉnh thực hiện góp ý, thẩm định 50 lượt văn bản. Cụ thể: Thẩm định 16 dự thảo văn bản (14 dự thảo Quyết định, 02 dự thảo Nghị quyết); góp ý 13 dự thảo văn bản QPPL và 21 văn bản cá biệt. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo “Quyết định bãi bỏ Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thực hiện một số nội dung về định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương”.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật: Để triển khai thực hiện đồng bộ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trong năm 2023, ngày 19/01/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 283/KH-UBND về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2023. Đồng thời, thực hiện Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản về việc xác định lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương (theo đó, lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023 là theo dõi tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về lao động, việc làm).

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2023 và Kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2023. Thông báo kết luận kiểm tra tình hình THPL về XLVPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ năm 2022; đăng web các văn bản mới về XLVPHC.

c) Kết quả tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Ngay từ đầu năm 2023, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh (thường trực là Sở Tư pháp) đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban Kế hoạch số 480/KH-UBND ngày 09/02/2023 về phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Kế hoạch 303/KH-HĐPH ngày 22/02/2023 về hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Bình Dương năm 2023; văn bản chỉ đạo phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội thông qua, trong đó lồng ghép tuyên truyền, phổ biến về cải cách hành chính để kịp thời định hướng cho các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

Công tác kiểm tra văn bản QPPL: Sở Tư pháp tự kiểm tra 09 văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền 05 văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và gửi đến Sở Tư pháp.

Công tác rà soát văn bản QPPL: Công tác rà soát văn bản QPPL được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện văn bản hết hiệu lực thi hành hoặc không còn phù hợp với văn bản mới được ban hành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân tỉnh Bình Dương năm 2022 (theo đó, trong năm 2022, Sở Tư pháp thực hiện rà soát 541 văn bản QPPL²) và ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương đúng theo yêu cầu tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung bằng Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Công tác cập nhật văn bản lên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật: Tỉnh thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời 09 văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trong quý 1, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3890/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; theo đó, giao 11 đơn vị cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá 20 TTHC đơn lẻ nhằm kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, không đáp ứng được các nguyên tắc quy định TTHC tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

b) Số TTHC tại địa phương: 1.946 TTHC

- TTHC cấp tỉnh: 1.558;
- TTHC cấp huyện: 256;
- TTHC cấp xã: 132.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh:

Trong quý I/2023 (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 05/3/2023), qua thống kê trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử và báo cáo của các Sở (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải), tổng số hồ sơ tiếp nhận là 42.996 hồ sơ (42.660 hồ sơ đã giải quyết, 336 hồ sơ chưa đến hạn giải quyết). Trong đó, số lượng hồ sơ giải quyết đúng hạn là 41.192 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 96,56%; số lượng hồ sơ trễ hạn đã giải quyết là 1.468 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 3,44% và không có hồ sơ đã quá hạn chưa giải quyết. Số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết mức độ 3, mức độ 4 là 38.971 hồ sơ (gồm 2.804 hồ sơ mức độ 3 và 36.167 hồ sơ mức độ 4 tại Trung tâm Hành chính công tỉnh).

² Báo cáo số 01/BC-STP ngày 04/01/2023 về kết quả rà soát văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh Bình Dương năm 2022.

Số hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 28/02/2023) theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 là 301 hồ sơ; số hồ sơ được chuyển trả về địa chỉ của người dân qua đường bưu điện là 8.990 hồ sơ, chiếm 21,07% tổng số hồ sơ đã giải quyết.

Tình hình tiếp nhận và xử lý hồ sơ, tình hình hồ sơ trễ hạn chưa giải quyết trên địa bàn tỉnh thường xuyên được theo dõi, báo cáo hàng ngày theo chỉ đạo của Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 68/TB-VPTU ngày 29/10/2021. Chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, địa phương tập trung xử lý hồ sơ tồn đọng, trễ hạn tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 05/3/2023, 100% hồ sơ trễ đã được đôn đốc, nhắc nhở và giải quyết cho người dân, doanh nghiệp.

Công tác hỗ trợ, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/02/2023), có 12.368 lượt hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến (gồm 3.163 lượt hướng dẫn của cán bộ, công chức và 10.205 lượt hướng dẫn của tình nguyện viên (2.147 hướng dẫn về tạo tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Dịch vụ công tỉnh, 3.048 nộp hồ sơ trực tuyến; 3.305 scan hồ sơ và 1.582 hướng dẫn khác như lấy số thứ tự, vị trí quầy làm việc của các sở, ban, ngành,...).

+ Đối với cấp huyện: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đều được thực hiện thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong quý 1 năm 2023, Trung tâm phục vụ hành chính công của các huyện, thị xã, thành phố đã tiếp nhận 44.375 hồ sơ TTHC các loại (trong đó, kỳ của năm 2022 chuyển qua là 4.355 hồ sơ, nhận mới 40.020 hồ sơ); đã giải quyết 38.714 hồ sơ (trong đó, số lượng hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn là 38.618 hồ sơ (tỷ lệ 99,75%), quá hạn 96 hồ sơ (tỷ lệ 0,25%); hồ sơ chưa đến hạn giải quyết 5.483 hồ sơ; hồ sơ hủy không hợp lệ, người dân rút hồ sơ, hồ sơ không đủ điều kiện, hồ sơ trả lại cho người dân bổ sung hoàn chỉnh là 178.

Nguyên nhân cập nhật hồ sơ giải quyết và trả kết quả trễ hạn trên phần mềm: do phần mềm một cửa điện tử và mạng internet có lúc còn chậm và bị lỗi; một vài công chức, nhân viên đã giải quyết và trả kết quả thực tế đúng hạn nhưng chưa kịp thời luân chuyển và kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử. 100% hồ sơ giải quyết quá hạn đã ban hành Thư xin lỗi và hẹn lại thời gian trả kết quả, đồng thời chủ động gọi điện thoại thông báo trước cho người dân về việc trễ hạn và lý do trễ hạn.

Riêng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ở các huyện, thị xã, thành phố đã tiếp nhận: 46.103 hồ sơ (trong đó có 6.263 hồ sơ năm 2022 chuyển sang, 39.840 nhận mới), đã giải quyết 38.117 hồ sơ (hồ sơ đúng hạn là 37.995 hồ sơ chiếm tỷ lệ 99,68% và 122 hồ sơ trễ hạn, chiếm tỷ lệ 0,32%), cơ quan đã gửi văn bản xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả; hồ sơ hủy, trả cho dân chỉnh sửa: 1.332 hồ sơ; chưa đến hạn giải quyết 6.654 hồ sơ.

+ Đối với cấp xã: 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đều được thực hiện tại Bộ phận một cửa cấp xã. Trong quý 1 năm 2023, 91 xã,

phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 166.603 hồ sơ TTHC các loại, đã giải quyết 166.447 hồ sơ, trong đó trả trước và đúng hạn 166.369 hồ sơ (tỷ lệ 99,95%), quá hạn 78 hồ sơ (tỷ lệ 0,05%), hồ sơ đang giải quyết 159 hồ sơ. Những địa phương có tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt 100% là các xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Dĩ An, thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên, huyện Bàu Bàng và huyện Phú Giáo.

- Bố trí nhân sự tại Bộ phận Một cửa và chế độ hỗ trợ: Số lượng nhân sự chính thức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp là 944 người gồm:

Nhân sự thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trong đó có 545 nhân sự thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC (tỉnh: 40, huyện: 144, xã: 361), 183 nhân sự dự phòng (tỉnh: 30, huyện: 52, xã: 101).

Nhân sự quản lý, hỗ trợ, trong đó có 119 nhân sự là Giám đốc/Trưởng Bộ phận (tỉnh: 19, huyện: 09, xã: 91) và 97 nhân sự là Phó Giám đốc/Phó Trưởng Bộ phận (huyện: 9, xã: 88).

Nhân sự chính thức bố trí làm việc tại Bộ phận Một cửa (Giám đốc/Trưởng, Phó Giám đốc/Phó Trưởng Bộ phận, nhân sự tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả) các cấp hiện nay được hỗ trợ 400.000 đồng/người/tháng và hỗ trợ trang bị đồng phục 5.000.000 đồng/người/năm để thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện truyền thông, tuyên truyền về cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Trong Quý I/2023, Tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan, đơn vị cập nhật 188 TTHC chuẩn hóa, 06 TTHC mới, 32 TTHC sửa đổi và 09 TTHC bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, địa phương theo Quyết định công bố được ban hành. Tổng số TTHC còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 05/3/2023 là 1.932 thủ tục (bao gồm: 1.497 TTHC cấp tỉnh; 238 TTHC cấp huyện; 122 TTHC cấp xã; 07 TTHC áp dụng chung; 29 TTHC đặc thù và 39 TTHC đơn vị khác).

Tiếp tục bố trí 03 khu vực hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến và duy trì bố trí trang thiết bị (18 máy tính, 01 máy scan, 04 photocopy tích hợp scan và 05 máy tính bảng...) phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Hành chính công tỉnh. Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 05/3/2023: thực hiện tuyên truyền qua Cổng Hành chính công tỉnh Bình Dương trên Zalo, Facebook với 4.839 người quan tâm, theo dõi; đăng 54 bài viết với 4.838 lượt xem. Đồng thời, trả lời 57 tin nhắn của người dân, doanh nghiệp liên quan đến việc giải quyết TTHC tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong quý I năm 2023 tổng số phản ánh, kiến nghị: 274, trong đó: đã xử lý, trả lời: 143 đạt 52.20%, còn 131 phản ánh, kiến nghị trong hạn giải quyết.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Công tác quản lý tổ chức hành chính, sự nghiệp

UBND tỉnh ban hành: Quyết định tổ chức lại Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp thành Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Bình Dương; Báo cáo sơ kết Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Sở Nội vụ thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao theo thẩm quyền đã góp ý dự thảo Đề án của Bộ Nội vụ về đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống ĐVSN công lập; thẩm định dự thảo Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 06 sở (Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Xây dựng; Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Ngoại vụ) và 07 đơn vị trực thuộc sở (Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Quy hoạch, phát triển đô thị tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin – Lưu trữ tài nguyên và môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Chi cục Quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh; Ban Tôn giáo); góp ý dự thảo Đề án tổ chức lại Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao; tham gia ý kiến về việc giao nhiệm vụ Đoàn ca múa nhạc dân tộc; thống nhất ý kiến về Đề án của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương và Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ; xác định mức độ tự chủ tài chính của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp huyện; trả lời kiến nghị của UBND Tp. Dĩ An; trả lời Sở Tài chính về việc sắp xếp Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ hỗ trợ nông dân; ý kiến về Đề án hoạt động của Trung tâm Sáng kiến cộng đồng và Hỗ trợ khởi nghiệp giai đoạn 2023-2025; tổ chức lấy ý kiến dự thảo Đề án thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung tỉnh.

b) Công tác quản lý biên chế

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết về việc phê duyệt tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập và Hội có tính chất đặc thù tỉnh Bình Dương năm 2023.

Xét duyệt biến động biên chế, tiền lương và phụ cấp đầu năm 2023 và quý 01/2023 cho các cơ quan, đơn vị.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về công tác quản lý công chức, viên chức

- Tham mưu Ban Cán sự Đảng, UBND tỉnh: Báo cáo xin ý kiến một số nội dung công tác cán bộ (đợt 1 và đợt 2 năm 2023); ban hành quyết định bổ nhiệm ngạch Thanh tra viên, Thanh tra viên chính;

- UBND tỉnh ban hành Văn bản giải trình một số nội dung theo Thông báo kết luận số 6619/KL-BNV ngày 23/12/2022 của Bộ Nội vụ về kết luận kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực Nội vụ do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành năm 2022;

- UBND tỉnh bổ nhiệm: 07 trường hợp (Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Phó Trưởng Ban Quản lý các Khu Công nghiệp; Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Dương); bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Dương.

- Công tác thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý: UBND tỉnh Tổ chức thi kỳ thi tuyển (thi viết) chức danh Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương;

- Công tác thi tuyển công chức, xét tuyển viên chức tỉnh Bình Dương năm 2023: Tổng hợp nhu cầu đăng ký thi tuyển, xét tuyển của các cơ quan, đơn vị.

- Từ đầu năm đến nay, Sở Nội vụ thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đã thỏa thuận bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: 40 trường hợp (TH); Nghỉ hưu: 12 TH; Nâng lương thường xuyên đối với công chức giữ ngạch chuyên viên chính, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II: 45 TH; Thỏa thuận nâng lương trước hạn do lập thành tích xuất sắc: 993 TH; Thỏa thuận nâng lương sớm để nghỉ hưu: 03 TH; Điều động: 20 TH; Thuyên chuyển: 14 TH; Tiếp nhận vào làm công chức, viên chức: 15 TH; Thỏa thuận chuyển ngạch, chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức: 37 TH; Thỏa thuận bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức: 102 TH; Phụ cấp thâm niên nghề: 11 TH; Hợp đồng lao động phục vụ hoạt động thu phí: 38 TH; Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 08 TH; Xác nhận thang bảng lương theo bộ luật lao động: 06 TH; Thôi việc: 03 TH; Nghỉ hưu: 08 TH.

- Về xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chế độ chi cho công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi, xét nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương, hiện nay đang tiếp tục lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị để hoàn chỉnh trình HĐND tỉnh thờ gian tới.

b) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- UBND tỉnh đã ban hành: Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 và Kế hoạch năm 2023; Quyết định phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương năm 2023; Báo cáo kết quả thực hiện các chế độ hỗ trợ thu hút, đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; Lấy ý kiến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND.

- UBND tỉnh đã: Cử 60 viên chức y tế đi học sau ĐH tại ĐHYD Cần Thơ; 01 viên chức Trường THCS và THPT Minh Hòa đi học thạc sĩ; Quyết định cử 03 viên chức các Trường THPT đi học đại học văn bằng 2 ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh; 02 viên chức các Trường THPT đi học thạc sĩ tại Trường ĐH KHTN – ĐHQG TP.HCM; Quyết định thu hồi chế độ hỗ trợ đối với 02 viên chức Bệnh viện đa khoa tỉnh do phục vụ chưa đủ thời gian quy định.

- Quyết định Sở Nội vụ cử 05 viên chức các Trung tâm Y tế cấp huyện và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đi học bồi dưỡng chuyên môn; cử 160 cán bộ, công chức, viên chức tham dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức cán bộ; cử cán bộ, công chức, viên chức tham dự lớp bồi dưỡng Văn hóa công sở cho cán bộ phụ trách một cửa.

- Sở Nội vụ phát hành văn bản: Thỏa thuận chế độ khuyến khích tự đào tạo sau khi tốt nghiệp cho 02 viên chức Trung tâm Y tế thị xã Tân Uyên đi học thạc sĩ và CKI diện tự túc kinh phí; trả lời chế độ thuê nhà ở và hỗ trợ khác theo đề nghị của Sở Y tế; đăng ký Học viện HCQG về các khóa bồi dưỡng chuyên viên cao cấp (08 người); bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở (10 người); bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện (01 người) năm 2023; thông báo các học bổng chính phủ Nhật Bản, Ba Lan, Niu Di-Lân.

5. Cải cách tài chính công

a) Về thu ngân sách: Tổng thu từ kinh tế - xã hội ước thực hiện 17.300 tỷ đồng, đạt 26% dự toán Thủ tướng Chính phủ (TTCP) giao và 23% dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó: thu nội địa 13.600 tỷ đồng, đạt 30% dự toán TTCP giao và 29% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2022; thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu 3.700 tỷ đồng, đạt 18% dự toán TTCP giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, bằng 68% so với cùng kỳ năm 2022.

b) Về chi ngân sách: Tổng chi cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện 3.300 tỷ đồng, đạt 11% dự toán, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển (chi đầu tư xây dựng cơ bản): 1.000 tỷ đồng, đạt 5% dự toán, bằng 88% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chi thường xuyên: 2.295 tỷ đồng, đạt 22% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2022, đã đáp ứng các yêu cầu về chi tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng; hỗ trợ tiền tết, hỗ trợ chi các hoạt động y tế, bảo đảm vệ sinh môi trường và các hoạt động hỗ trợ kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh.

- Chi lập quỹ dự trữ tài chính: 5 tỷ đồng.

c) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Giá trị giải ngân kế hoạch giao trong năm 2023 đến ngày 03/3/2023 là 676.847 triệu đồng, đạt 3,1% so với kế hoạch năm 2023 (Kế hoạch vốn năm 2023 là 21.782.939 triệu đồng);

d) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh các văn bản, cụ thể như sau: Công văn số 197/STC-QLNS ngày 12/01/2023 của Sở Tài chính về việc thực hiện kiến nghị Kiểm toán nhà nước theo Công văn số 772/KTNN-TH ngày 16/12/2022 của Kiểm toán nhà nước; Công văn số 373/STC-QLNS ngày 03/2/2023 của Sở Tài chính về việc thực hiện các kiến

ng nghị Kiểm toán nhà nước; Công văn số 622/STC-QLNS ngày 27/02/2023 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm toán nhà nước.

Ngoài ra, Sở Tài chính đã thực hiện công khai Công văn số 379/STC-QLNS ngày 04/02/2023 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện vay, trả nợ chính quyền địa phương năm 2022.

e) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Cơ bản đa số các cơ quan, đơn vị đều thực hiện theo quy định của Luật Quản lý sử dụng tài sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

f) Kết quả sắp xếp, xử lý nhà đất: UBND tỉnh ban hành các Văn bản: Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất 06 cơ sở của UBND thành phố Thủ Dầu Một tại Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; Điều chỉnh phương án 01 cơ sở của UBND thành phố Thuận An tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 12/01/2023; Có ý kiến điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại Bình Dương theo Công văn số 532/STC-QLGCS ngày 20/02/2023; kế hoạch tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ tại Công văn số 620/STC-QLGCS ngày 27/02/2023.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Trông Quý I/ 2023, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số như: Kế hoạch số 593/KH-UBND ngày 13/02/2023 về việc nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Bình Dương năm 2023 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 676/KH-UBND ngày 20/02/2023 triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

b) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng; xây dựng, phát triển dữ liệu; xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ; xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

- Tổ chức Lễ công bố “Nền tảng số: Ứng dụng Bình Dương Số phục vụ người dân và doanh nghiệp” và Lễ công bố ra mắt Cổng Thông tin điện tử phiên bản tiếng Hàn – Hoa - Nhật.

- Tập trung nguồn lực triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Dương. Cử cán bộ đầu mối hướng dẫn về mặt kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị; phối hợp với cán bộ đầu mối của Văn phòng Chính phủ thường xuyên kiểm tra kết nối, đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu hồ sơ và thống kê tình hình xử lý hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Triển khai, tập huấn về công tác số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bình Dương. Tổ chức chấm điểm chỉ số xếp hạng đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh Bình Dương năm 2022. Triển khai cài đặt, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống phần mềm Antivirus quản lý tập trung Kaspersky Security Center (KSC) tỉnh Bình Dương. Thông báo cho các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp an toàn thông tin, phòng, chống mã độc. Mở các lớp đào tạo, tiếp tục chiêu sinh các lớp chứng chỉ đầu thầu qua mạng, lớp chuyển đổi số tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh: xây dựng hệ thống điều hành chuyên ngành (OC chuyên ngành) cấp Sở; tổng hợp dữ liệu cấp huyện, gồm các dữ liệu ngành: công an, giáo dục, y tế, đất đai, hành chính công.

- Làm việc với Đoàn Công tác của Văn phòng Chính phủ về việc khảo sát phục vụ xây dựng Khung bộ chỉ số điều hành cấp tỉnh, thành phố; Đoàn công tác của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc khảo sát dịch vụ công trực tuyến. Phối hợp với các sở, ngành khảo sát nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực năm 2023 (khảo sát 10 đơn vị).

- UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Thuê Hệ thống tiếp nhận và giải đáp thông tin cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2022-2025”; Thẩm định thuyết minh và dự toán chi tiết “Mua sắm tập trung thiết bị CNTT năm 2023”; Thẩm định đề cương và dự toán chi tiết “Nâng cấp hệ thống lưu trữ của Trung tâm dữ liệu tỉnh”. Hỗ trợ triển khai thi công gói thầu “Nâng cấp thiết bị bảo mật cho Trung tâm dữ liệu tỉnh”. Triển khai lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án Nâng cấp hệ thống đường dây nóng 1022 của tỉnh.

- Chấp thuận chủ trương gia hạn thời gian thực hiện dự án “Số hóa sổ hộ tịch” và “Xây dựng Cổng Phổ biến giáo dục pháp luật” do Sở Tư pháp làm chủ đầu tư. Tổ chức ký kết Chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2022 – 2026.

- Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kết quả triển khai kết nối dữ liệu camera giao thông của ngành Công an về Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh và cung cấp hình ảnh camera công khai trên ứng dụng di động Bình Dương Số; Kết quả thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kết quả thực hiện Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Số

hóa hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 – 2025.

- Vận hành giám sát kết nối 03 phiên họp hội nghị truyền hình trực tuyến. Chặn hơn 534.121 thư spam, nội dung xấu và virus hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh. Cấp mới 329 chứng thư số cá nhân; cấp mới 100 hộp thư điện tử công vụ cho các cơ quan, đơn vị.

c) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4:

- Đối với tỉnh: Cổng Dịch vụ công và phần mềm một cửa điện tử của tỉnh đang tiếp tục được nâng cấp với các tính năng mới, đáp ứng nhu cầu phục vụ của người dân, doanh nghiệp như: Đăng ký lịch hẹn, ChatBot, ký số trên eForm, ký số trên file Pdf, thanh toán trên nền tảng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán nghĩa vụ thuế lĩnh vực đất đai, thanh toán trực tuyến đến cấp huyện, cấp xã và rà soát, chuẩn hóa quy trình thủ tục theo quy trình ISO và hệ thống báo cáo

Tính đến nay, tỉnh đã triển khai được 149 dịch vụ công trực tuyến mức 3, 1.192 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Triển khai, cấu hình, cài đặt, tập huấn các chức năng mới cho 18/18 sở, ban, ngành; 9/9 UBND cấp huyện, 91/91 UBND cấp xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ngay từ những tháng đầu năm 2023 trong việc ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; trong đó tập trung triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phê duyệt, kiện toàn nhân sự một cửa đúng theo tiêu chuẩn, trình độ của Trung ương và tỉnh quy định, đảm bảo hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả của Bộ phận Một cửa các cấp.

- 100% đơn vị cấp huyện đã thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp huyện với việc đầu tư máy móc, thiết bị, khu vực làm việc đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp và việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, triển khai Đề án 06 theo quy định của Trung ương và UBND tỉnh. Bộ phận Một cửa cấp xã đang triển khai cải tạo, nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị, các dịch vụ tiện ích nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh triển khai thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả xử lý công việc của các cơ quan hành chính. Ghi nhận những đóng góp, sự hỗ trợ nhiệt huyết của đội ngũ tình nguyện viên trong quá trình triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến, tỉnh đã kịp thời hỗ trợ cho tình nguyện viên tham gia hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa các cấp và tình nguyện viên hướng dẫn TTHC lưu động tại cấp huyện với mức hỗ trợ là 100.000 đồng/người/ngày trong năm 2022 (từ ngày

01/01/2022 đến ngày 31/12/2022) và tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết hỗ trợ tình nguyện viên trong năm 2023 với mức hỗ trợ là 160.000 đồng/người/ngày (từ ngày 01/01/2023).

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Số lượng hồ sơ sao y, chứng thực bản sao điện tử còn chưa cao do nhu cầu của người dân không nhiều, hiện nay các giao dịch người dân, doanh nghiệp hồ sơ vẫn chủ yếu được nộp trực tiếp, người dân chưa có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và giấy tờ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính hầu như không sử dụng để thực hiện các dịch vụ công khác.

- Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán trực tuyến dịch vụ công đã được tỉnh triển khai, tuy nhiên tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia vẫn còn thấp do quy trình thực hiện phức tạp, người dân thường sử dụng phương thức thanh toán trực tiếp và thanh toán không dùng tiền mặt. Điều này dẫn đến kết quả đánh giá việc thanh toán trực tuyến của tỉnh theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ còn thấp.

- Hiện nay chưa có quy định cụ thể về giá trị pháp lý và lưu trữ đối với hồ sơ TTHC điện tử nên việc thực hiện còn chưa thống nhất.

- Việc triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, xây dựng chính quyền số, bảo đảm an toàn thông tin mạng, phát triển kinh tế số và xã hội số nguồn lực còn hạn chế, để thực hiện các mục tiêu đã đề ra cần phải có sự tham gia, phối hợp, giúp sức của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị; cần có chính sách để huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa để đẩy nhanh quá trình thực hiện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG QUÝ II NĂM 2023

- Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Bình Dương theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Dương năm 2022.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021.

- Đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC để người dân, doanh nghiệp thực hiện tái sử dụng trong quá trình nộp hồ sơ TTHC.

- Tiếp tục chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, triển khai Kế hoạch đưa TTHC ngành dọc đủ điều kiện ra tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; triển khai xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC; triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2023.

- Tiếp tục đẩy mạnh các nhiệm vụ công tác truyền thông, tuyên truyền thông tin về hoạt động một cửa, một cửa liên thông; dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị; Tiếp tục triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến qua ngân hàng trên Trang thông tin hành chính công của tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ:

Xem xét, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến tới người dân về lợi ích mang lại của chứng thực bản sao điện tử, khuyến khích người dân đăng ký tài khoản trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, miễn giảm chi phí cho người dân khi thực hiện chứng thực bản sao điện tử. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan, tổ chức cung ứng TTHC ngoài nhà nước chấp thuận các văn bản đã được chứng thực điện tử.

Xem xét, đơn giản hóa quy trình thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đồng thời ghi nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được xem như hình thức thanh toán trực tuyến để đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ Chỉ số 766.

- Kiến nghị Bộ Nội vụ sớm có văn bản quy định về giá trị pháp lý và lưu trữ đối với hồ sơ TTHC điện tử để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2023 của tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDCQ-CCHC-CTTN, AT (3).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lý Văn Đẹp



Phụ lục

**BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 35 /BC-SNV ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương)

**Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**

STT	Nội dung thông kê (Số lượng, tính từ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị (tính)	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	9	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	56	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	12	
3.	Kiểm tra CCHC		-	
3.1.	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy		0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	0	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	0	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	9	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	7	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	6.530	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	



Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu (thông kê) <i>(Điền thông kê theo các hàng quy. 6/Thông. năm)</i>	Kết quả thông kê		Chú chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do đơn vị, địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	9	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	-	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	-	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	5	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	541	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.



Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (cải cách trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị (tính)	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	20	các cơ quan, đơn vị, địa phương đang thực hiện chưa đến thời hạn báo cáo kết quả
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	101	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	09	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại đơn vị, địa phương	Thủ tục	1.946	<i>TTHC của cơ quan ngành dọc: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư 02/2017/TT-VPCP thì UBND tỉnh không có trách nhiệm công bố TTHC của cơ quan ngành dọc do đó việc theo dõi, cập nhật, thống kê TTHC thuộc thẩm</i>

STT	Chỉ tiêu (thông kê thực hiện trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				quyền giải quyết của các cơ quan này không thực thực hiện được
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.558	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	256	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	132	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	66	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	159	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	7	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,56	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	42.660	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	41.192	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,75%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	38.714	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	38.618	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,68%	



STT	Chỉ tiêu (thống kê <i>Số liệu trong kỳ hoặc số hàng quý, 6 tháng, năm</i>)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hạn			
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	38.117	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	37.995	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	52,19%	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	274	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	143	Còn 131 PAKN trong hạn xử lý



Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

Chỉ tiêu thống kê <i>(theo từng bộ, ngành hàng quý, 6 tháng, năm)</i>		Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	18/18 đơn vị
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	BQL các KCN
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị	539	
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	9	
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	109	
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	421	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.780	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.662	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	197	HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	23.042	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19.785	

STT	Chỉ tiêu thống kê (theo hướng dẫn tại báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	6	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		Tổng số người làm việc 2015 là 27.280



Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

	Cm (tên thông kê) <i>(Định hướng: từ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị (tính)	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	28	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	03	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	02	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	770	(Xét tuyển viên chức y tế và sự nghiệp khác)
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	15	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	01	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (theo đúng từ ngữ và hình thức thống kê, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	bị kỷ luật.			



Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Đơn vị tính và báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lên	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	3,11	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	21.782.939	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	676.847	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại cơ quan, đơn vị, địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại cơ quan, đơn vị, địa phương	Đơn vị	236	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	17	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	25	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	70	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>4</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>14</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>52</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	124	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

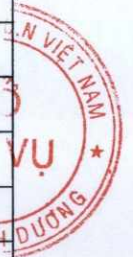




Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (liên thông từ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	100%	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100%	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100%	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100%	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Việc được thực hiện theo hướng dẫn, quy định)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	149	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	149	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	46	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.192	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.192	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	299	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.341	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.297	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	76,84%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	118.159	



STT	Tên tài liệu (thông kê) <i>(Bao gồm trong hệ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	90.799	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	741	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	741	